

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường; nâng cao năng suất, chất lượng và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 phê duyệt Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là *Đề án 996*); số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (sau đây viết tắt là *Chương trình 1322*); số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 ban hành Kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030 (sau đây viết tắt là *Kế hoạch 36*); số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (sau đây viết tắt là *Đề án 100*).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường; nâng cao năng suất, chất lượng và quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tuyên truyền sâu rộng Đề án 996, Đề án 100, Chương trình 1322 và Kế hoạch 36 tới các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan.

b) Cụ thể hóa nội dung, nhiệm vụ, giải pháp trong việc tổ chức thực hiện Đề án 996, Đề án 100, Chương trình 1322 và Kế hoạch 36 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tình hình thực tiễn, đồng thời triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ thuộc đề án, chương trình và kế hoạch. Qua đó nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân liên quan về tiêu chuẩn, đo lường, năng suất, chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bố trí nguồn lực cho công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; tạo động lực phát triển quan trọng trong các ngành, lĩnh vực thông qua việc ứng dụng thành tựu mới của khoa học công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất tiên tiến, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh kết hợp với nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, phù hợp xu thế của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Yêu cầu

a) Triển khai Kế hoạch phải đảm bảo sự thống nhất, tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh Hưng Yên; phân công trách nhiệm cụ thể, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương gắn với kiểm tra, đánh giá việc triển khai thực hiện; bảo đảm có sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân liên quan nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch này.

b) Các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch phải bám sát Đề án 996, Đề án 100, Chương trình 1322 và Kế hoạch 36; bảo đảm phương châm "6 rõ" (*rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền*). Các sở, ban, ngành, địa phương chủ động tổ chức triển khai thực hiện, tăng cường công tác phối hợp để thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp theo đúng nội dung, nhiệm vụ, tiến độ được giao.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đưa tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng thành công cụ quản lý nhà nước hiệu lực, hiệu quả, đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh, bảo đảm công bằng, quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, người tiêu dùng; góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2026-2030 đạt 50%.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường địa phương đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước về đo lường và nhu cầu kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo, chuẩn đo lường của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra nhà nước về đo lường; tăng cường tiềm lực cho cơ quan quản lý nhà nước để phục vụ công tác kiểm tra. Hướng dẫn, hỗ trợ bảo đảm đo lường trong hoạt động thương mại tại các chợ, trung tâm thương mại trong tỉnh.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, triển khai Chương trình đảm bảo đo lường theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, phương tiện đo, chuẩn đo lường và hoạt động xây dựng phương pháp đo cho ít nhất 20 doanh nghiệp bao gồm doanh nghiệp có vốn nhà nước và doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân.

d) Duy trì, nâng cấp hoàn thiện Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia, góp phần đáp ứng nhu cầu trao đổi và khai thác thông tin, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã và cá nhân trong tỉnh.

đ) Hướng dẫn, hỗ trợ triển khai xây dựng, áp dụng, cập nhật dữ liệu truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực, tiêu biểu và sản phẩm OCOP của tỉnh thuộc các lĩnh vực theo hướng dẫn của bộ, ngành chức năng dựa trên tiêu chuẩn

quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc. Dữ liệu truy xuất nguồn gốc được cập nhật lên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia theo quy định.

e) Phối hợp cử ít nhất 05 cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, chất lượng đi đào tạo và được cấp chứng chỉ/chứng nhận về chuyên gia năng suất, chất lượng hoặc chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm, chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng.

g) Tổ chức ít nhất 05 đợt tuyên truyền, phổ biến về nâng cao năng suất, chất lượng trên địa bàn tỉnh.

h) Hằng năm, tổ chức ít nhất 05 lớp tập huấn về các nội dung của Đề án 996, Đề án 100, Chương trình 1322 và Kế hoạch 36.

i) 100% các xã, phường được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, bảo đảm Ủy ban nhân dân xã, phường thực hiện đúng quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

k) Hỗ trợ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng cho ít nhất 50 tổ chức, doanh nghiệp với các nội dung hỗ trợ: Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy; xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến chất lượng, áp dụng đồng bộ các giải pháp nâng cao năng suất chất lượng trong các tổ chức, doanh nghiệp.

l) Thực hiện đo lường, tính toán tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh giai đoạn 2026-2030 đạt 50%.

m) Hỗ trợ ít nhất 05 tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tham gia nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và chất lượng.

n) Xây dựng ít nhất 03 phóng sự hoặc chuyên mục, 03 bài viết về năng suất chất lượng trên Báo và Phát thanh, truyền hình Hưng Yên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

a) Định kỳ rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách và danh mục ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh trọng tâm cần tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường để hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

b) Thúc đẩy xã hội hóa hoạt động đo lường; khuyến khích hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ đo lường; áp dụng các cơ chế, chính sách thúc đẩy thương mại hóa các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học công nghệ đo lường.

c) Thực hiện các biện pháp hỗ trợ, nhằm tăng cường năng lực, hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên địa bàn tỉnh.

2. Tăng cường phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh

a) Xây dựng, phát triển hạ tầng đo lường của tỉnh theo hướng đồng bộ, hiện đại phù hợp với Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13187:2020 Phòng thí nghiệm đo lường - Tiêu chí đánh giá năng lực đo lường và TCVN 17025:2017 Yêu cầu chung về năng lực của các phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn; thiết lập, duy trì hệ thống chuẩn đo lường của tỉnh được liên kết với chuẩn đo lường quốc gia bảo đảm đo lường chính xác.

b) Phát triển mạng lưới các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đáp ứng các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 13187:2020 và TCVN 17025:2017 để phục vụ nhu cầu quản lý đo lường của doanh nghiệp.

c) Bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ về đo lường cho các cán bộ, công chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường của các cơ quan, đơn vị chuyên ngành và tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đo lường và công tác hỗ trợ về đo lường

a) Đầu tư, nâng cấp thiết bị, phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường.

b) Tăng cường phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND xã, phường và doanh nghiệp về công tác quản lý hoạt động đo lường; trao đổi, học tập kinh nghiệm về quản lý đo lường.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường theo quy định tại Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 510/QĐ-BKHCN ngày 17/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

d) Hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về đo lường thông qua hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường và xây dựng phương pháp đo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

đ) Hỗ trợ các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 17025:2017 và TCVN 13187:2020.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia nghiên cứu, ứng dụng công nghệ đo lường tiên tiến trong quá trình sản xuất theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh

a) Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh triển khai, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời, ưu tiên các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, cá nhân sản xuất các sản phẩm chủ lực, tiêu biểu và sản phẩm OCOP của tỉnh.

b) Huy động nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch của bộ, ngành, cơ quan liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia.

c) Quản trị, vận hành và nâng cấp, mở rộng Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

d) Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân xây dựng cơ sở dữ liệu, triển khai, áp dụng truy xuất nguồn gốc và cập nhật thông tin lên Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia.

5. Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới để nâng cao hiệu quả hoạt động truy xuất nguồn gốc

a) Tiếp tục triển khai nhân rộng kết quả đề tài cấp tỉnh "Xây dựng mô hình áp dụng truy xuất nguồn gốc tích hợp quy trình sản xuất cho một số sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Hưng Yên".

b) Tư vấn hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có nhu cầu thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tại Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh; tập huấn triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa thống nhất theo quy định, bảo đảm kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia.

6. Hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, nghiên cứu khoa học, sáng kiến cải tiến kỹ thuật

a) Gắn kết chặt chẽ nội dung về năng suất chất lượng với các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, cấp bộ và quốc gia bao gồm: Đề án Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia; Chương trình phát triển công nghệ cao; Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia; Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ,... góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh khi đưa vào áp dụng tại tổ chức, doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp, doanh nghiệp khoa học và công nghệ tham gia nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp chứng nhận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; hỗ trợ xây dựng, áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng mới được công bố theo ngành, lĩnh vực.

d) Gắn kết chương trình chuyển đổi số của tỉnh với hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp để thiết lập, tối ưu hóa, hiện đại hóa hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

đ) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2026/TT-BKHHCN ngày 12/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Đánh giá tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh hằng năm và giai đoạn 2026-2030

a) Triển khai "Đề án nâng cao tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2026-2030" khi được ban hành.

b) Thực hiện đo lường, tính toán tỷ trọng đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh hằng năm và giai đoạn 2026-2030. Việc đánh giá bao gồm đo lường, tính toán năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) theo từng ngành, lĩnh vực và tổng thể chung của tỉnh.

8. Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

a) Tham gia các hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong nước và quốc tế về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

b) Tăng cường hợp tác, học tập, trao đổi kinh nghiệm với các tỉnh, thành phố đã thực hiện tốt Đề án 996, Đề án 100, Chương trình 1322 và Kế hoạch 36.

9. Công tác tuyên truyền

a) Hằng năm, tổ chức hội nghị, hội thảo về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; triển khai các hoạt động kỷ niệm ngày Đo lường Việt Nam (20/01), ngày Đo lường thế giới (20/5) và ngày Tiêu chuẩn thế giới (14/10).

b) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật và về lợi ích, tầm quan trọng của hoạt động truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, nâng cao nhận thức của tổ chức, doanh nghiệp và xã hội về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của tỉnh.

c) Triển khai, phổ biến các văn bản pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về truy xuất nguồn gốc; khảo sát hiện trạng tình hình thực hiện truy xuất nguồn gốc và chia sẻ kinh nghiệm áp dụng các giải pháp, công nghệ truy xuất nguồn gốc đang áp dụng tại các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, nhất là các công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, năng suất xanh vào doanh nghiệp; các giải pháp ứng dụng (sản xuất thông minh, chuyển đổi số, ...) cải tiến hiệu quả quản lý, kỹ năng đổi mới sáng tạo, cải thiện các yếu tố nội tại của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; phối hợp với một số trường đại học, cao đẳng xây dựng khung chương trình hướng nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng trên cơ sở gắn kết với nhu cầu của doanh nghiệp.

đ) Phổ biến và cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua việc xây dựng, biên tập và phát hành Bản tin TBT Hưng Yên.

(Nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Kế hoạch này)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ ngân sách nhà nước do tỉnh cấp hằng năm cho đơn vị được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

2. Kinh phí khác: Từ các nguồn vốn tài trợ quốc tế, trong nước, vốn doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch này áp dụng theo quy định Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc và triển khai thực hiện Kế hoạch này; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân xã, phường và các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này với các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Tổ chức nghiên cứu, tham mưu, đề xuất Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và truy xuất nguồn gốc để hỗ trợ có hiệu quả tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Hằng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch này gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cấp kinh phí thực hiện.

d) Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án 996, Đề án 100, Chương trình 1322, Kế hoạch 36 và Kế hoạch này; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình triển khai Kế hoạch này; tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường và nâng cao năng suất, chất lượng.

2. Sở Tài chính

Hằng năm, trên cơ sở đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương có liên quan, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành liên quan

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và điều kiện phát triển hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, chủ trì đề xuất triển khai các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này trong phạm vi quản lý nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật liên quan.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn trong hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng của doanh nghiệp khi tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý.

d) Chủ động rà soát, tổng hợp và cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét, hỗ trợ phù hợp nội dung của Kế hoạch này.

đ) Lập dự toán ngân sách hằng năm thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, bố trí kinh phí theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và quản lý truy xuất nguồn gốc nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành liên quan trong việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Đẩy mạnh phong trào năng suất chất lượng lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương như: Xây dựng nông thôn mới; Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm.

5. Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các doanh nghiệp, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các tổ chức thành viên, doanh nghiệp, cá nhân tích cực tham gia hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo nội dung của Kế hoạch này.

b) Khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp xây dựng, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc, áp dụng Tiêu chuẩn Việt Nam, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, hệ thống quản lý và công cụ cải tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Đồng thời tích cực triển khai Chương trình đảm bảo đo lường tại doanh nghiệp và Chương trình quốc gia hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh.

c) Thông báo tới tổ chức thành viên, doanh nghiệp, cá nhân về thông tin hỗ trợ cũng như tiếp cận các chương trình, nội dung Kế hoạch này.

6. Về trách nhiệm báo cáo

Định kỳ trước ngày 15/12 hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường và các hiệp hội doanh nghiệp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị có liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao bảo đảm hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có các vấn đề mới phát sinh kịp thời phản ánh bằng văn bản gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Kế hoạch này thay thế các Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Số 129/KH-UBND ngày 17/10/2019 thực hiện Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Hưng Yên; số 101/KH-UBND ngày 30/6/2021 về việc thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 197/KH-UBND ngày 05/12/2022 triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2022-2030)./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Hòa